

Số: **169** /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày **01** tháng **02** năm **2012**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT  
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3/1/2012 của Chính phủ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/ NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3/1/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH.



**Cao Đức Phát**



## **KẾ HOẠCH**

**Hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3/01/2012 của Chính phủ**  
(Kèm Quyết định số 169/QĐ-BNN-KH ngày 01 tháng 02 năm 2012  
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3 tháng 1 năm 2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

### **I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ**

Năm 2012 là năm thứ hai triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI và là năm thứ tư triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW lần thứ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2012 sẽ tạo tiền đề CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với trọng tâm là cuộc vận động xây dựng nông thôn mới giàu có, văn minh, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2012 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Trong nước, những vấn đề của kinh tế vĩ mô (lạm phát, lãi suất tăng cao...) kết hợp với những biến động bất thường của thời tiết, khí hậu và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi là những thách thức lớn trong việc duy trì sự tăng trưởng và phát triển bền vững của ngành, đòi hỏi toàn ngành phải có giải pháp nhanh, nhạy, đồng bộ, quyết liệt, ứng phó kịp thời, hiệu quả khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, hạn chế thiệt hại cả trước mắt và lâu dài để tiếp tục phát triển. Mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển ngành năm 2012 là: **Tập trung thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành, phát triển bền vững; bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, góp phần thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.**

Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2012:

- Tốc độ tăng trưởng GDP của toàn ngành đạt 2,5 - 2,6 %;
- GTSX nông, lâm, ngư nghiệp tăng từ 4,0 – 4,5%;
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 25,5- 26,0 tỷ USD;
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 40,8%.

## II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Tái cơ cấu các ngành sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh

Triển khai rà soát quy hoạch ngành, lĩnh vực từ cấp Trung ương đến cấp xã gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; lựa chọn và tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi là lợi thế của các vùng, miền; chú trọng phát triển thủy sản, chăn nuôi, giảm tổn thất sau thu hoạch, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản gắn kết với các hoạt động thị trường, thương mại nhằm nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững. Nhiệm vụ cụ thể từng ngành, lĩnh vực năm 2012 như sau:

#### 1.1. Trồng trọt

Năm 2012, ngành trồng trọt tiếp tục hướng tới mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đồng thời phát huy được tiềm năng, thế mạnh của các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tập trung đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật bao gồm cả công nghệ cao, các quy trình sản xuất tiên tiến Viêtgap để nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- *Sản xuất lương thực*: Năm 2012 giữ khoảng 7,58 triệu ha lúa, sản lượng đạt khoảng 42,5 triệu tấn để vừa bảo đảm đủ lương thực cho tiêu dùng trong nước, vừa có khối lượng gạo xuất khẩu khoảng 7,0 triệu tấn. Ổn định diện tích ngô khoảng 1,15 triệu ha. Tập trung đưa các giống ngô mới có năng suất cao, kết hợp các biện pháp đầu tư thâm canh nhằm đạt năng suất bình quân 42,5 tạ/ha để đạt sản lượng 4,9 triệu tấn. Duy trì diện tích sắn ở quy mô khoảng 520 ngàn ha, đưa năng suất sắn từ 175 tạ/ha lên 180 tạ/ha, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

- *Phát triển các cây công nghiệp*: xúc tiến việc trồng tái canh cà phê, chè, điều bằng các giống mới để ổn định 555 nghìn ha cà phê, 137 nghìn ha chè, 360 nghìn ha điều. Riêng đối với cây cao su, tiếp tục trồng mới 52,3 nghìn ha ở những nơi có điều kiện.

Ổn định 275 nghìn ha mía, thâm canh với bộ giống phù hợp, trừ lượng đường cao và rải vụn để đạt sản lượng 17,2 triệu tấn; tăng diện tích lạc từ 235 nghìn ha lên 238 nghìn ha, sản lượng đạt khoảng 512 nghìn tấn; giảm diện tích đậu tương từ 200 nghìn ha xuống 180 nghìn ha, sản lượng đạt 275 nghìn tấn.

- *Phát triển rau và cây ăn quả*: Tập trung phát triển các loại cây ăn quả có thị trường tiêu thụ thuận lợi; chú trọng phát triển sản xuất rau an toàn, trồng rau, hoa bằng công nghệ cao. Năm 2012, dự kiến diện tích rau, đậu các loại đạt khoảng 1,0 triệu ha; sản lượng rau các loại đạt 13,8 triệu tấn, đậu đỗ các loại 195 ngàn tấn.



## **1.2. Chăn nuôi**

Mục tiêu tăng trưởng của ngành chăn nuôi năm 2012 là 7 - 7,5%; sản lượng thịt hơi các loại đạt 4,5 triệu tấn; sản lượng trứng 6.860 triệu quả; sữa tươi 378 nghìn tấn; thức ăn chăn nuôi công nghiệp 12,5 triệu tấn.

Thực hiện mục tiêu trên, ngành chăn nuôi phải tập trung đảm bảo duy trì và phát triển đàn giống gốc, áp dụng các giải pháp kỹ thuật thúc đẩy chăn nuôi đạt hiệu quả cao. Có chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi gia trại, trang trại, áp dụng quy trình sản xuất theo kiểu công nghiệp, phát triển chăn nuôi công nghệ cao và chính sách khuyến khích sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị sản xuất, phát triển giết mổ và chế biến gắn với nâng cao năng lực, hiệu quả kiểm soát dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường.

## **1.3. Thủy sản**

Mục tiêu năm 2012 phấn đấu đạt tổng sản lượng thủy sản 5,35 triệu tấn, trong đó khai thác hải sản 2,2 triệu tấn, nuôi trồng thủy sản 3,15 triệu tấn; kim ngạch xuất khẩu đạt 6,5 tỷ USD.

Rà soát quy hoạch diện tích nuôi trồng thủy sản, đảm bảo các điều kiện nuôi thâm canh, an toàn dịch bệnh; tập trung phát triển nuôi cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, nghêu và một số loài thủy đặc sản. Tạo điều kiện nâng cao năng lực các cơ sở sản xuất giống chất lượng cao và sạch bệnh, đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Triển khai thực hiện điều tra nguồn lợi biển, thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân mở rộng đánh bắt xa bờ có hiệu quả và an toàn; Đẩy mạnh quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành các khu bảo tồn biển, bảo tồn thủy sản các vùng nước nội địa; thực hiện quản lý cộng đồng các khu bảo tồn, có quy chế quản lý bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản để phát triển bền vững ngành thủy sản; tổ chức liên kết chuỗi trong sản xuất, chế biến, bảo quản, lưu thông và tiêu thụ thủy sản.

## **1.4. Lâm nghiệp**

Triển khai kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015; củng cố và tăng cường lực lượng kiểm lâm để đảm bảo tốt vai trò là lực lượng nòng cốt trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; thực hiện nhiệm vụ về giao đất giao rừng, khuyến lâm và thống kê, kiểm kê rừng.

Phát triển trồng rừng thâm canh, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, hạn chế khai thác non, bán nguyên liệu thô; điều chỉnh cơ cấu trồng rừng phòng hộ theo hướng đa dạng; phát triển chế biến; thực thi chính sách nâng cao thu nhập và đời sống cho người làm nghề rừng.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tăng cường bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng; khuyến khích phát triển nhanh rừng sản xuất. Rà soát, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để bảo đảm quyền lợi và khuyến khích nhân dân tham gia trồng, bảo vệ và



khai thác rừng một cách hợp lý, hiệu quả. Phối hợp chỉ đạo, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng.

Năm 2012 thực hiện trồng mới 250 nghìn ha (trong đó trồng mới rừng phòng hộ và rừng sản xuất 130 nghìn ha, trồng lại rừng trên diện tích rừng trồng đã khai thác 120 nghìn ha); cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt 30 nghìn ha; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 160 nghìn ha; trồng 50 triệu cây phân tán.

### **1.5. Diêm nghiệp**

Ổn định diện tích sản xuất muối, tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp các đồng muối hiện có, khuyến khích phát triển sản xuất muối công nghiệp để đạt sản lượng trên 1,0 triệu tấn/năm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến.

### **1.6. Phát triển công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị gia tăng**

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu; đa dạng hóa sản phẩm; đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm.

Các địa phương tập trung đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch theo QĐ 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và QĐ 65/2011/QĐ-TTg ngày 2/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát, thống kê các cơ sở chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản để tăng cường sự quản lý nhà nước về sản xuất, kinh doanh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

### **1.7. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, lâm sản và an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản**

Năm 2012 công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn vệ sinh sản phẩm nông lâm thủy sản là vấn đề trọng tâm cần được tổ chức thực hiện. Bộ sẽ tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng nông sản, lâm sản, thủy sản xuất khẩu; xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn cần thiết để kiểm soát, ngăn ngừa các vi phạm quy định về chất lượng hàng xuất khẩu, thực thi nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thông qua hoàn thiện hệ thống quy định/quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; mở rộng công tác quản lý đánh giá phân loại, kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp/sản phẩm nông lâm thủy sản và cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

Thay đổi căn bản công tác quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản; tiếp tục nghiên cứu xây dựng hàng rào kỹ thuật bảo vệ các mặt hàng sản xuất trong nước, chủ động dự báo để ứng phó kịp thời đối với các hàng rào kỹ thuật và thương mại của các thị trường xuất khẩu. Hoàn thiện

đầy đủ các văn bản hướng dẫn Luật ATTP: rà soát sửa đổi, bổ sung các Thông tư trên cơ sở xem xét sự phù hợp với Luật ATTP và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật ATTP.

### **1.8. Phát triển ngành nghề nông thôn**

Thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề nông thôn với mục tiêu quy hoạch, xây dựng làng nghề với quy mô, cơ cấu sản phẩm, trình độ công nghệ hợp lý đủ sức cạnh tranh, thích hợp với điều kiện của từng vùng sinh thái; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với hoạt động du lịch, bảo tồn và phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường làng nghề nông thôn.

Đẩy mạnh công tác chuyên gia công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ở các làng nghề; ưu tiên đầu tư công nghệ xử lý chất thải, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề.

### **2. Phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tăng cường công tác xoá đói, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất dân cư nông thôn**

Mục tiêu năm 2012 là tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao đời sống dân cư nông thôn, tăng cường công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt ở các huyện còn trên 50% hộ nghèo, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo 2% so với năm 2011; nâng tỉ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 85%, tỷ lệ hộ dân nông thôn có hố xí hợp vệ sinh đạt 61%.

Tập trung chỉ đạo triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm đạt 90% số xã có quy hoạch chung được phê duyệt, trong đó khoảng 30% số xã có quy hoạch chi tiết; trên 90% số xã có đề án xây dựng nông thôn mới được phê duyệt; 50% cán bộ nông thôn mới ở cấp xã được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng nông thôn mới; trên 90% số xã triển khai công tác tuyên truyền, vận động người dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, cải tạo môi trường nông thôn và nâng cao đời sống văn hoá nông thôn mới.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn II, tập trung triển khai các đề án hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh cơ chế, chính sách di dân; ưu tiên bố trí dân cư vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai (sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ quét,...), hải đảo, vùng xung yếu, rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Hướng dẫn, tổ chức tốt việc theo dõi, đánh giá tác động và thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để chủ động sử dụng quỹ dự phòng thiên tai, dịch bệnh và tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội để khắc phục hậu quả, bảo đảm nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.



### **3. Phát triển thủy lợi và cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất. Tăng cường phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng**

#### **3.1. Phát triển thủy lợi**

- *Công tác thủy lợi:* Tiếp tục xây dựng văn bản pháp quy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý thủy lợi, nước sạch; xây dựng chiến lược, quy hoạch thủy lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng của các vùng, lưu vực sông; quy hoạch phòng chống ngập cho các thành phố lớn để làm căn cứ đầu tư xây dựng đảm bảo yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch cấp nước phục vụ sản xuất; điều tiết các hồ chứa đảm bảo an toàn cho công trình nhưng trước hết phải đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân vùng hạ lưu; Chỉ đạo công tác kiểm tra an toàn công trình trước và sau lũ, thực hiện kế hoạch sửa chữa nâng cấp, kiểm tra việc quản lý, vận hành và bảo trì công trình thủy lợi.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; chấn chỉnh, tăng cường năng lực các tổ chức quản lý thủy nông.

- *Công tác quản lý đê điều và phòng chống thiên tai:* Kịp thời nắm tình hình diễn biến của mưa, lũ, bão để tham mưu, chỉ đạo công tác phòng tránh, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ, bão; Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống lụt, bão ở các địa phương và các chủ hồ đập phối hợp điều tiết lũ, đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du; tiếp tục triển khai Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển hiện có tại các tỉnh có đê từ Quảng Ninh đến Quảng Nam và Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang, Chương trình nâng cấp đê sông đến năm 2020.

Tiếp tục triển khai các giải pháp chống ngập úng cho các thành phố lớn; chủ động chỉ đạo ứng phó có hiệu quả với thiên tai bão lũ; đồng thời có giải pháp kịp thời, hiệu quả chống hạn phục vụ sản xuất và đời sống; tiếp tục thực hiện tốt chương trình bố trí dân cư, di dân ra khỏi những vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

- *Công tác đầu tư, xây dựng công trình:*

Năm 2012, thủy lợi hướng vào phục vụ đa mục tiêu, đảm bảo cho thâm canh cây trồng, phát triển nuôi trồng thủy sản và nghề muối; cấp thoát nước, đáp ứng nhu cầu các khu công nghiệp, nước sinh hoạt; nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động của thiên tai, tăng cường năng lực đáp ứng yêu cầu chủ động ứng phó kịp thời và có hiệu quả trước mọi tình huống.

Trên cơ sở kế hoạch vốn năm 2012 được phân bổ, ưu tiên (1) bố trí vốn đối ứng các dự án ODA (2) Tu bổ đê thường xuyên; (3) Tập trung hoàn thành các công trình dở dang; nâng cấp, sửa các công trình hiện có nhằm phát huy



hiệu quả phục vụ của công trình, đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, chuyển dịch cơ cấu sản xuất; phát triển thủy lợi vừa và nhỏ cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo nước tưới và sinh hoạt, góp phần ổn định cuộc sống, xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương; tăng cường kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch năm 2012 của các chủ đầu tư, nhất là các chủ đầu tư quản lý các công trình chặn dòng vượt lũ, yêu cầu các công trình hoàn thành phải lập tiến độ chi tiết, phương án PCLB tổ chức thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng an toàn trong mùa mưa bão năm 2012.

*- Thực hiện Chương trình MTQG nước sạch và VS MT nông thôn*

Trình Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT giai đoạn 2011 - 2015; Triển khai thực hiện kế hoạch 2012, trong đó tập trung ưu tiên cho các công trình cấp nước sạch và VSMTNT các xã điểm nông thôn mới, các xã vùng sâu, vùng xa; vùng ven biển; các vùng thường bị thiên tai hạn hán, lũ lụt; vùng nguồn nước bị ô nhiễm; chú trọng thực hiện kế hoạch về vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện xã hội hoá, đa dạng hoá nguồn vốn cho chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để tăng nguồn lực và gắn trách nhiệm của người sử dụng đối với các công trình đã xây dựng, đảm bảo tính bền vững.

**3.2. Phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản và nông lâm nghiệp**

Năm 2012, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các Trung tâm giống thủy sản, các vùng sản xuất giống thủy sản tập trung, các Trung tâm thực hành nghề cá, trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; triển khai các đề án sản xuất giống cá tra, tôm nước lợ, nhuyễn thể chất lượng cao, sạch bệnh cho các vùng nuôi tập trung; tập trung đầu tư dứt điểm các dự án khu neo đậu, tránh trú bão và triển khai các dự án xây dựng hạ tầng nuôi trồng thủy sản tại các vùng.

Tiếp tục triển khai các dự án tăng cường hạ tầng kỹ thuật nông lâm nghiệp, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, chọn tạo và nhân giống; cơ sở hạ tầng phục vụ kiểm soát chất lượng, VSATTP; phòng chống dịch bệnh vật nuôi, cây trồng; nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng.

**4. Các giải pháp**

**4.1. Chuyển đổi cơ cấu đầu tư**

*a. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo lĩnh vực*

Ưu tiên vốn cho các chương trình, dự án về chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp và giống thủy sản phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm, nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và lao động nông thôn xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (bao gồm cả thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản); tập trung vốn đầu tư cho các chương

trình, dự án có khả năng sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng. Đối với từng lĩnh vực cụ thể như sau:

- *Nông nghiệp*: ưu tiên đầu tư cho các chương trình, dự án chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất và xuất khẩu hàng hóa; các dự án phòng, chống sâu bệnh, an toàn vệ sinh, thực phẩm.

- *Thủy sản*: tăng mạnh đầu tư hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (bao gồm cả thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản), đầu tư phát triển hệ thống giống thủy sản; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và giám sát dịch bệnh phục vụ nuôi trồng thủy sản; tiếp tục đầu tư các dự án cảng cá, khu dịch vụ hậu cần nghề cá tại các ngư trường trọng điểm và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền.

- *Lâm nghiệp*: ưu tiên đầu tư giống cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng kinh tế và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

- *Thủy lợi*: tập trung vốn cho các dự án hoàn thành (chỉ khởi công mới các dự án đề điều, một số dự án an toàn hồ chứa cấp bách); ưu tiên đầu tư thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; phát triển ứng dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm; ưu tiên vốn nhiều hơn cho nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư hơn là đầu tư mới; chú trọng đầu tư các công trình hệ thống hơn là công trình đầu mối.

### ***b. Điều chỉnh hình thức/nguồn vốn đầu tư***

Thực hiện rà soát, phân loại các dự án đầu tư, điều chỉnh nguồn vốn và hình thức đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực xã hội cho nông nghiệp, nông thôn:

- Lựa chọn các dự án có khả năng thu hồi vốn để xã hội hóa nguồn vốn đầu tư, tăng tỷ trọng vốn đầu tư tín dụng, vốn của các cá nhân, tập thể, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, kể cả hình thức hợp tác công tư (PPP) đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong tổng vốn đầu tư của ngành. Vốn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chiến lược của ngành và các dự án không có khả năng thu hồi vốn; đầu tư phát triển hạ tầng ở các vùng có nhiều khó khăn để hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống cho dân cư. Dành nguồn ngân sách thỏa đáng để thực hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế khác đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Phân cấp quản lý đầu tư nhiều hơn cho các địa phương, huy động nguồn lực địa phương cho các công trình, dự án quy mô nhỏ, trong phạm vi địa phương, Bộ chỉ đầu tư các dự án, công trình lớn quy mô vùng/miền hoặc kỹ thuật mới, phức tạp.

### ***c. Nâng cao hiệu quả, chất lượng đầu tư***

- Tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo thuận lợi cho những công trình, dự án đầu tư phát triển ngành để



đẩy nhanh tiến độ thi công, kết thúc đầu tư đúng thời gian quy định, bàn giao công trình và đưa vào khai thác sử dụng.

- Nâng cao chất lượng lựa chọn các dự án đầu tư, lấy hiệu quả kinh tế-xã hội là tiêu chí cơ bản để quyết định lựa chọn dự án đầu tư; công khai, minh bạch trong đầu tư; tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và không đồng bộ; phân bổ, quản lý và giám sát sử dụng vốn đầu tư phải thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch trung hạn.

- Đổi mới mô hình, công tác quản lý công trình sau đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường sự tham gia của người dân.

#### **4.2. Tập trung nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn**

- Tiếp tục chỉ đạo tập trung nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn đến các địa bàn hành chính cấp xã.

- Xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất mới trong nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Lựa chọn các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có nhu cầu, có tiềm năng thị trường trong và ngoài nước, các sản phẩm chịu tác động lớn của thị trường trong và ngoài nước như đường, muối,... để xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng này.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống kho dự trữ một số hàng hoá nông sản chủ lực, xây dựng vùng sản xuất hàng hoá đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến.

- Rà soát, hoàn thiện và phối hợp thực hiện các quy định phù hợp về hỗ trợ tín dụng, kỹ thuật, công nghệ, cơ sở hạ tầng và các điều kiện khác để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân bảo vệ thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam, nhất là các sản phẩm xuất khẩu có kim ngạch lớn.

#### **4.3. Đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, phát triển các thành phần kinh tế**

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành, sắp xếp, đổi mới lâm trường quốc doanh; rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của các lâm trường giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tiếp tục hỗ trợ phát triển kinh tế hộ theo hướng chuyên môn hóa, mở rộng sản xuất quy mô lớn; khuyến khích và hỗ trợ các hộ sản xuất áp dụng



khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến Việtgap, công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, tổ chức hiệp hội ngành hàng; phát triển mô hình liên kết, hợp tác sản xuất giữa doanh nghiệp, nhà khoa học với các hộ nông dân (theo kiểu cánh đồng mẫu lớn).

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại sản xuất hàng hóa lớn, tập trung với các điều kiện và yếu tố sản xuất theo hướng công nghiệp, hiện đại.

#### **4.4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của ngành nhằm xây dựng đội ngũ công chức hành chính, công chức sự nghiệp, chuyên gia giỏi về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế; triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo QĐ số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội chỉ đạo triển khai dạy nghề cho lao động nông thôn theo Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2020.

#### **4.5. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tăng cường phòng, chống tham nhũng**

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về nông nghiệp, nông thôn theo kế hoạch và các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình ban hành các chính sách như:

- *Về đất đai:* Giao đất cho nông dân hoặc cho doanh nghiệp thuê đất để trồng cây công nghiệp, trồng rừng; chính sách đồng bộ bảo vệ đất lúa.

- *Về khoa học công nghệ:* Hỗ trợ phổ biến và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất tốt (GAP), công nghệ cao; hỗ trợ sản xuất có xác nhận.

- *Chính sách tín dụng:* Tăng hạn mức và kéo dài kỳ hạn cho vay vốn tín dụng phù hợp với chu kỳ sản xuất của từng đối tượng cây, con.

- *Chính sách thương mại:* Áp dụng thuế suất xuất khẩu đối với một số loại nông, lâm thủy sản thô (dăm gỗ, mù cao su,...) nhằm hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô và khuyến khích đầu tư công nghiệp chế biến trong nước; hỗ trợ hoạt động XTTM, nghiên cứu và mở rộng thị trường, các hoạt động nâng cao giá trị hàng hóa trong lĩnh vực thương mại.

Đẩy mạnh cải cách hành chính với nội dung trọng tâm là: hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở Bộ và các địa phương đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả; công bố công khai, minh bạch đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, tập trung nguồn lực, bảo đảm thực thi hiệu quả việc đơn giản hoá thủ tục hành

chính tạo đạo kiện cho các cơ sở, địa phương giải quyết nhanh các yêu cầu đáp ứng có hiệu quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động trong các lĩnh vực khác. Tăng cường và nâng cao chất lượng tham vấn người dân và doanh nghiệp trong việc xây dựng, thực thi cơ chế chính sách và thủ tục hành chính.

Tập trung hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở Bộ và hệ thống ở các địa phương, đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả.

Tăng cường năng lực cho hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra chất lượng, an toàn VSTP đối với vật tư, sản phẩm nông lâm thủy sản, diêm nghiệp, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện nghiêm Luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ vào Kế hoạch hành động này và Chương trình công tác năm 2012 Thủ tướng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện ngay kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm 2012.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát báo cáo Bộ kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện.

3. Giao Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch của các cơ quan, đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của Bộ và tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

(Nhiệm vụ, đơn vị thực hiện, thời gian phải hoàn thành chi tiết Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số: 01/2012/NQ-CP ngày 3 tháng 1 năm 2012 của Chính phủ tại phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**Phụ lục 1****Kế hoạch xây dựng Luật**

(Kèm Quyết định số: 169 /QĐ-BNN-KH ngày 01 tháng 02 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Thời gian
1	Luật Thú y	Cục Thú y	Vụ Pháp chế, Cục Chăn nuôi, các Bộ, ngành liên quan	TT. Diệp Kinh Tân	Tháng 10
2	Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Cục bảo vệ thực vật	Vụ Pháp chế, Cục Trồng trọt, các Bộ, ngành liên quan	TT. Bùi Bá Bồng	Tháng 10
3	Luật thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Các Bộ, ngành liên quan	TT. Đào Xuân Học	Tháng 10
4	Luật phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Các Bộ, ngành liên quan	TT. Đào Xuân Học	Tháng 6
5	Luật Nông nghiệp	Vụ Pháp chế	Các Bộ, ngành liên quan	TT. Bùi Bá Bồng	Tháng 11
6	Luật Thủy sản sửa đổi	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành liên quan	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 12

Vvv



**Phụ lục 2**

**Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật  
trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2012**  
(Kèm Quyết định số: 169 /QĐ-BNN-KH ngày 01 tháng 02 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nghị định của Chính phủ</b>				
1	Nghị định về chính sách quản lý đất lúa	Cục Trồng trọt	CP	Tháng 4/2012	Chuyển từ 2011 sang
2	Nghị định quản lý, sản xuất kinh doanh phân bón	Cục Trồng trọt	CP	Tháng 9/2012	Chuyển từ 2011 sang
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 57/2005/NĐ-CP ngày 27/4/2005 và Nghị định 172/2007/NĐ-CP ngày 28/11/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng.	Cục Trồng trọt	CP	Tháng 12/2012	Chuyển từ 2011 sang
4	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	CP	Tháng 03/2012	
5	Nghị định thay thế Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	CP	Tháng 12/2012	Chuyển từ 2011 sang
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản	Tổng cục Lâm nghiệp	CP	Tháng 10/2012	

Vn

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình	Ghi chú
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	CP	Tháng 6/2013	
8	Nghị định hướng dẫn Luật phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	CP	Theo kế hoạch trình Luật	
9	Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	CP	Theo kế hoạch trình Luật	
<b>II</b>	<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>				
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chương trình xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020	Tổng cục Thủy sản	TTgCP	Tháng 3/2012	Chuyển từ 2011 sang
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, tiếp tục hỗ trợ đầu tư phát triển toàn diện, bền vững cho các xã có điểm tái định cư và các hộ tái định cư trong giai đoạn sau tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	TTgCP	Tháng 6/2012	Chuyển từ 2011 sang
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thúc đẩy liên kết sản xuất chế biến tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và người sản xuất trong nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	TTgCP	Tháng 6/2012	Chuyển từ 2011 sang
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số	Vụ Pháp chế	TTgCP	Tháng 6/2012	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình	Ghi chú
	tại các khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn				
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế về quản lý xuất nhập khẩu cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ	Tổng cục Lâm nghiệp	TTgCP	Tháng 5/2012	Chuyển từ 2011 sang
6	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách quản lý và sử dụng rừng liên quan đến dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	TTgCP	Tháng 6/2012	Chuyển từ 2011 sang
7	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	Tổng cục Thủy lợi	TTgCP	Tháng 7/2012	
<b>III</b>	<b>Các đề án trình Thủ tướng Chính phủ</b>				
1	Đề án tăng cường biên chế đảm bảo hoạt động của lực lượng Kiểm lâm đến năm 2015	Tổng cục Lâm nghiệp	TTgCP	Tháng 9/2012	
2	Đề án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm toàn quốc đến năm 2015	Tổng cục Lâm nghiệp	TTgCP	Tháng 11/2012	
3	Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2020	Tổng cục Lâm nghiệp	TTgCP	Tháng 12/2012	
4	Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020	Cục KTHT&P TNT	TTgCP	Tháng	Chuyển từ 2011 sang



TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình	Ghi chú
				3/2012	
5	Đề án nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng chuyển giao KHCN và tiên bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, nông thôn	Vụ KHCN MT	TTgCP	Tháng 6/2012	Chuyển từ 2011 sang
6	Đề án phát triển cộng đồng quản lý nghề cá quy mô nhỏ	Tổng cục Thủy sản	TTgCP	Tháng 4/2012	Chuyển từ 2011 sang
7	Chương trình Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	TTgCP	Tháng 3/2012	Chuyển từ 2011 sang
8	Đề án nâng cao năng lực quản lý ngành Thú y	Cục Thú y	TTgCP	Tháng 3/2012	Chuyển từ 2011 sang

**Phụ lục 3**

**Danh mục đề án, thông tư trình Bộ trưởng  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kế hoạch 2012**  
(Kèm Quyết định số: 169/QĐ-BNN-KH ngày 01 tháng 02 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
1	Thông tư ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Quý/lần	
2	Thông tư quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả và chè an toàn (Thay thế Quyết định 99/2008/QĐ-BNN ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả và chè an toàn)	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 5	Chuyển từ 2011
3	Thông tư quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với kinh doanh rau, củ, quả	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 5	Chuyển từ 2011
4	Thông tư về việc công bố danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 6	
5	Thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 6	Chuyển từ 2011
6	Thông tư hướng dẫn thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 6	Chuyển từ 2011
7	Thông tư về việc Ban hành danh mục vật thể kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 9	
8	Thông tư ban hành quy định cấp giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 12	
9	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam	Cục Thú y	Tháng 3	
10	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam	Cục Thú y	Tháng 11	
11	Thông tư ban hành danh mục đồ, tượng kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản; Danh mục thủy sản, sản phẩm thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch	Cục Thú y	Tháng 4	
12	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; gửi, nhận mẫu bệnh phẩm; kiểm tra vệ sinh thú y; mẫu hồ sơ kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y	Cục Thú y	Tháng 6	
13	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số	Cục Thú y	Tháng 6	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	87/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 ban hành quy trình kiểm soát giết mổ động vật			
14	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản; riâu hồ sơ kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản	Cục Thú y	Tháng 9	
15	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2009/TT-BNNPTNT ngày 23/4/2009 hướng dẫn yêu cầu về giống vật nuôi, kiểm dịch vận chuyển giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh phát triển chăn nuôi	Cục Thú y	Tháng 9	
16	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2009/TT-BNNPTNT ngày 28/5/2009 quy định về kiểm dịch nhập khẩu trâu, bò từ các nước Lào và Campuchia vào Việt Nam	Cục Thú y	Tháng 9	
17	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT ngày 05/7/2010 quy định về kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản	Cục Thú y	Tháng 9	
18	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2009/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2009 quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản	Cục Thú y	Tháng 10	
19	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn (Thay thế Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV)	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 6	
20	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2010 về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 12	
21	Thông tư bổ sung Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.	Cục Trồng trọt	Quý/lần	
22	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định 84/2008/QĐ-BNN quy định về Quy chế chứng nhận quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn	Cục Trồng trọt	Tháng 3	Chuyển từ 2011
23	Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định của Chính phủ về Quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón.	Cục Trồng trọt	Tháng 9	
24	Thông tư sửa đổi, bổ sung Danh mục giống cây trồng cấm xuất khẩu, Danh mục nguồn gen cây	Cục Trồng trọt	Tháng 9	



TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	trồng hạn chế xuất khẩu, trao đổi.			
25	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu	Cục Trồng trọt	Tháng 9	Chuyển từ 2011
26	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010 Quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón	Cục Trồng trọt	Tháng 12	
27	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 56/2009/TT-BNNPTNT ngày 07/9/2009 quy định kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản trước khi đưa ra thị trường	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 6	
28	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 7	
29	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 05/2010/TT-BNNPTNT ngày 22/01/2010 hướng dẫn kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản trước khi đưa ra thị trường	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 9	
30	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 9	
31	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2010 hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 10	
32	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011 hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 10	
33	Thông tư quy định về ghi nhãn sản phẩm thực phẩm biến đổi gen và thực phẩm đã qua chiếu xạ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 11	
34	Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg ngày 18/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển ngành mây tre	Cục Chế biến TMNLS&T	Tháng 10	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
		NM		
35	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư liên tịch số 61/2007/TTLT-BNN-BTC ngày 22/6/2007 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động cơ quan Kiểm lâm các cấp; thanh toán chi phí cho các tổ chức, cá nhân được huy động để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái phép, phòng cháy, chữa cháy rừng	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 2	
36	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; trình tự thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 3	Chuyển từ 2011
37	Thông tư quy định về điều kiện khai thác và gây nuôi một số loài động vật rừng thông thường	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 6	Chuyển từ 2011
38	Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và sử dụng kinh phí thu được do thanh lý rừng trồng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 6	Chuyển từ 2011
39	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 6	
40	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên & Môi trường về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường trong Lâm nghiệp	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 6	
41	Thông tư về việc ban hành quy chế quản lý vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ của lực lượng kiểm lâm	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 12	Chuyển từ 2011
42	Thông tư quy định về tiêu chí phân khu chức năng và vùng đệm của rừng đặc dụng	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 12	
43	Thông tư hướng dẫn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 12	
44	Thông tư ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi (Thay thế Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi)	Tổng cục lâm nghiệp	Tháng 12	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
45	Thông tư hướng dẫn Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 10	
46	Thông tư hướng dẫn quản lý quy hoạch thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	Chuyển từ 2011
47	Thông tư hướng dẫn phân cấp đê	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	
48	Thông tư hướng dẫn quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	
49	Thông tư hướng dẫn về trình tự thủ tục xử lý đột xuất sự cố đê điều	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	
50	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn-Bộ Y Tế-Bộ Giáo dục & Đào tạo về hướng dẫn phân công phối hợp giữa ba ngành nông nghiệp & phát triển nông thôn, y tế, giáo dục & đào tạo trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch & vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011-2015	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 7	
51	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính về hướng dẫn khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp kinh doanh về nước sạch khu vực nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 10	
52	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch & Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 10	
53	Thông tư hướng dẫn các tiêu chí đánh giá hiệu quả công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
54	Thông tư quy định định mức duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
55	Thông tư liên tịch Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch & Đầu tư-Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011-2015	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
56	Thông tư thay thế Thông tư số 44/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/7/2009 hướng dẫn quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Vụ Tài chính	Tháng 3	
57	Thông tư quy định một số nội dung về giám sát	Cục Quản	Tháng 5	Chuyển từ



TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	và đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình vốn ngân sách do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	ly xây dựng công trình		2011
58	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Công trình thủy lợi-Quy chuẩn các quy định chủ yếu về thiết kế"	Cục Quản lý xây dựng công trình	Tháng 6	
59	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Công trình thủy lợi-Khoan nổ mìn đảo đá-Yêu cầu kỹ thuật"	Cục Quản lý xây dựng công trình	Tháng 6	
60	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 9	Chuyển từ 2011
61	Thông tư quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 9	Chuyển từ 2011
62	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 121/2008/QĐ-BNN ngày 17/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành "Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAP) cho bò sữa, lợn, gia cầm và ong"	Cục Chăn nuôi	Tháng 12	Chuyển từ 2011
63	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 về việc ban hành Quy chế Đăng kiểm tàu cá	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 8	
64	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 về việc ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 8	
65	Thông tư quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đăng kiểm tàu cá	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 11	
66	Thông tư quy định về quản lý nghề lưới kéo	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 12	
67	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục cấp chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 10	
68	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008 ban hành quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 10	
69	Thông tư quy định về quản lý môi trường trồng thủy sản bằng lồng bè	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 12	
70	Thông tư hướng dẫn Nghị định về quản lý sản xuất và tiêu thụ cá tra, cá basa	Tổng Cục Thủy sản	Tháng 12	
71	Thông tư hướng dẫn về nguyên tắc và phương pháp xác định diện tích rừng trong lưu vực sông	Vụ KHCN&MT	Tháng 3	Chuyển từ 2011

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	phục vụ cho việc chi trả dịch vụ môi trường rừng			
72	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp-Bộ Tài chính-Bộ KHCN&MT hướng dẫn thực hiện Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 02/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ KHCN&MT	Tháng 3	
73	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 38/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/5/2011 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông	Vụ KHCN&MT	Tháng 5	
74	Thông tư liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để thực hiện Quyết định 175/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Vụ KHCN&MT	Tháng 6	
75	Thông tư hướng dẫn về đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thức ăn chăn nuôi	Vụ KHCN&MT	Tháng 9	
76	Thông tư hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp	Vụ KHCN&MT	Tháng 10	Chuyển từ 2011